

DANH SÁCH ĐIỂM THI CHUẨN ĐẦU RA TIN HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	LT	TH	Ghi chú
1	0901010500	Đặng Hoàng Quý	Anh	27/10/2003	NH9A	6.75	5.5	
2	1101071115	Nguyễn Gia Tuấn	Anh	13/12/2005	QL11A	5.00	8.5	
3	0810211748	Nguyễn Phương	Anh	03/02/2002	KD8C	5.25	5.5	
4	1001031189	Nguyễn Việt	Anh	20/10/2004	QM10B	5.25	6	
5	0901030195	Võ Ngọc	Anh	22/10/2003	QT9B			
6	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	5.50	0	bb TH
7	1204020001	Nguyễn Thị	Biển	16/08/1987	LT12A	3.75	5.5	
8	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	3.75	5	
9	0610110488	Trần Trọng	Cảnh	21-06-2000	TC6A	4.50	3.5	
10	1204020002	Nguyễn Bá	Chắt	16/01/1985	LT12A T	6.25	5.5	
11	1207020020	Lê Thành	Cương	24/08/1986	LT12A V	6.75	6	
12	1203020003	Hoàng Văn	Cường	17/02/1994	LT12A T	2.75	3	
13	1204020004	Trần Trọng	Đài	09/01/2003	LT12A	4.25	4	
14	1001030510	Đỗ Tiến	Đạt	30/06/2004	QM10A	5.25	5	
15	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	5.25	5	
16	0901030982	Luyện Minh	Đức	23/12/2003	QT9B	5.00	7.5	
17	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	4.50	6	
18	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	7.25	7.5	
19	1001020100	Nguyễn Thu	Giang	21/11/2003	KD10H		7	
20	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	6.00	9	
21	0901020116	Nguyễn Thu	Hà	24/05/2003	KD9C	6.25	5	
22	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	4.75	4.5	
23	1001020553	Nguyễn Thúy	Hiền	09/07/2004	KD10H		5	
24	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	4.00	3	
25	1204020006	Chu Thị	Hoa	19/11/2005	LT12A T	6.50	5	
26	1204020007	Kiều Thị	Hoa	20/08/1991	LT12A	6.50	6	
27	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	6.50	7	
28	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B	6.00	5	
29	1207020021	Hà Thị Mai	Hương	23/11/1980	LT12A V	6.25	5	
30	1205020008	Vũ Thị Thu	Hương	02/03/1997	LT12A E	4.75	5	
31	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	3.25	2.5	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	LT	TH	Ghi chú
32	1001011693	Hoàng Văn	Khỏe	02/04/1996	NH10A	6.50	5	
33	1101071353	Đỗ Ngọc	Kiên	12/05/2005	QL11A	5.25	5	
34	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	5.00	3.5	
35	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	4.75	5	
36	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	6.50	6	
37	1204020022	Lý Thị Thùy	Linh	24/07/2003	LT12A	7.00	6	
38	0810611743	Nguyễn Thị Khánh	Linh	19/08/2002	KA8A	4.50	4.5	
39	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	7.00	7	
40	0901020368	Nguyễn Thị Hồng	Mai	11/08/2003	KD9C	5.50	4.5	
41	1204020010	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	06/07/1991	LT12A	7.00	8	
42	1101010861	Vũ Đức	Minh	03/11/2005	NH11A		0	
43	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	QT11A	7.50	8.5	
44	1001020214	Hà Trọng	Nghĩa	24/03/2003	KD10B		4	
45	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	4.75	3.5	
46	1204020023	Phạm Thị	Ngọc	19/07/1993	LT12A	7.50	3.5	
47	1205020011	Lê Thị Hoàng	Nhi	16/01/2000	LT12A	6.50	6.5	
48	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	4.75	5	
49	1001021121	Hoàng Hồng	Nhung	01/12/2004	KD10D	7.00	6	
50	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	6.25	4.5	
51	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	7.25	6	
52	0901020432	Nguyễn Lâm	Oanh	28/08/2003	KD9N		5.5	
53	0901030033	Nguyễn Hồng	Phúc	16/09/2003	KD9N	4.50	6.5	
54	1204020012	Nguyễn Văn	Phúc	11/07/1990	LT12A	3.75	3.5	
55	1101021022	Chu Lan	Phương	05/07/2005	KD11C	7.00	7	
56	1001020252	Nhâm Trần Mai	Phương	16/05/2003	KD10B	7.00	5.5	
57	1001031304	Lê Phương	Thanh	29/04/2004	QM10A	5.75	5.5	
58	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	4.75	5	
59	1204020014	Đinh Thu	Thảo	23/03/1991	LT12A	5.25	5	
60	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	6.25	4	
61	1001031397	Mai Phương	Thảo	07/10/2004	QM10A	5.50	6	
62	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	6.50	4	
63	0710112006	Phạm Thị Bích	Thảo	02/10/2000	TC7A	4.00	3	
64	0901030002	Trần Nguyễn Phương	Thảo	15/08/2003	QT9C	5.50		

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	LT	TH	Ghi chú
65	0901020819	Phan Thị	Thơ	08/06/2003	KD9N	4.75		
66	1001011455	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	TC10B	5.00	6.5	
67	1203020017	Lưu Thị	Thuận	26/05/1992	LT12A T	4.75	4.5	
68	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	7.25	7.5	
69	0810210220	Nguyễn Linh	Thùy	29/06/2002	KD8B	5.50	3	
70	1001030708	Chu Thủy	Tiên	13/01/2001	QT10B	4.50	3.5	
71	1001030709	Nguyễn Thủy	Tiên	22/12/2004	QM10B	4.50	2.5	
72	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	3.00	2	
73	0901020311	Lê Thị Quỳnh	Trang	05/06/2003	KD9C	2.50	3.5	
74	0901010899	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/11/2003	KD9N			
75	1204020024	Nguyễn Thị Kiều	Trang	07/04/1989	LT12A	4.50	6	
76	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	5.00	5	
77	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	7.00	9	
78	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	6.75	9	
79	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	6.75	7	
80	1001030737	Đặng Quốc	Việt	24/12/2004	QM10B	6.00	6	
81	0901010818	Lưu Quốc	Việt	03/01/2003	NH9A	4.75	6	
82	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	5.25	6.5	
83	0810210819	Nguyễn Thị Như	Ý	14/05/2002	KD8G	6.25	5.5	